THPT Nguyễn Văn Tăng

Năm học 2022 - 2023

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ II - KHỐI 12

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
					TL	TN	TC		TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	
1	000003	Giang Nguyễn Quỳnh Anh	04/03/2005	12A1	3.75	4.2	8.0	7.5	2.6	4.2	6.8	2.75	5.25	8.0	3.5	5	8.5	3.25	5.6	8.9	3.75	5.6	9.4	3.75	5.25	9.0	3.75	6	9.8	
2	000010	Lê Vũ Duy	21/09/2005	12A1	3	3.6	6.6	7.8	3	2.8	5.8	2.25	3.75	6.0	2.75	3.75	6.5	2.7	5.4	8.1	3.25	4.2	7.5	2.25	3.75	6.0	3.75	4.5	8.3	
3	000011	Nguyễn Văn Đài	03/10/2005	12A1	3.25	4.8	8.1	7.0	3	3.85	6.9	3.5	6	9.5	4	6	10.0	3.8	6	9.8	4	6	10.0	3.5	5.25	8.8	4	5.75	9.8	
4	000014	Trần Thanh Giang	11/08/2004	12A1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
5	000017	Nguyễn Quang Hoài	11/12/2005	12A1	3.25	3.8	7.1	8.5	3	2.98	6.0	3.5	5.75	9.3	4	4.75	8.8	4	5.8	9.8	3.75	5.8	9.6	3.5	5	8.5	4	5.5	9.5	
6	000018	Phan Thị Kim Hoàn	12/11/2005	12A1	3	5.2	8.2	8.0	2.8	4.2	7.0	2.5	6	8.5	4	5.75	9.8	3.25	6	9.3	3.5	6	9.5	3	5.5	8.5	4	5.75	9.8	
7	000020	Nguyễn Hữu Hào Hùng	08/10/2005	12A1	3.5	5.4	8.9	7.5	2.9	3.33	6.2	3.5	4.25	7.8	3.75	4.5	8.3	3	4.8	7.8	4	3.6	7.6	3.25	4.5	7.8	4	3.5	7.5	
8	000022	Lưu Đức Huy	02/02/2005	12A1	3.75	5	8.8	6.5	2.6	4.55	7.2	3.75	5.5	9.3	3.75	5	8.8	3.25	5.8	9.1	4	5.6	9.6	3.5	5.25	8.8	4	4.75	8.8	
9	000023	Nguyễn Tấn Huy	03/09/2005	12A1	3.75	4.8	8.6	6.5	3	4.03	7.0	3.25	5.5	8.8	3.75	5.75	9.5	3.25	5.4	8.7	3.75	5.6	9.4	3.75	5.5	9.3	4	5.75	9.8	
10	000024	Lê Thị Thu Hương	06/11/2005	12A1	2.75	4.4	7.2	8.5	3	4.73	7.7	3	5.25	8.3	3.5	5	8.5	3.5	6	9.5	4	5.2	9.2	3.5	5.25	8.8	4	5.75	9.8	
11	000026	Cao Vương Khang	01/10/2005	12A1	3	4.6	7.6	5.8	2.6	4.9	7.5	1.5	3.75	5.3	3	3.25	6.3	2.7	3.4	6.1	1	2	3.0	1.5	4.25	5.8	3.5	4	7.5	
12	000031	Trần Ngọc Linh	25/11/2005	12A1	3.75	4.8	8.6	7.3	2.2	4.55	6.8	3.5	5.75	9.3	3.75	5.25	9.0	3.5	5.8	9.3	4	5.8	9.8	2.5	5	7.5	4	6	10.0	
13	000032	Trần Thị Nhật Linh	09/07/2005	12A1	4	5.6	9.6	8.8	3	5.25	8.3	4	6	10.0	4	6	10.0	3.9	6	9.9	4	6	10.0	4	5.5	9.5	4	5.75	9.8	
14	000033	Quách Gia Long	30/11/2005	12A1	2.75	4.6	7.4	7.3	2.6	3.15	5.8	1.75	3	4.8	3.5	3	6.5	2.9	5.4	8.3	3.5	5.6	9.1	3	5	8.0	4	4.5	8.5	
15	000037	Nguyễn Hồng Mai	27/04/2004	12A1	3.75	4.2	8.0	8.0	2.2	4.2	6.4	2.5	5.25	7.8	4	5	9.0	3	5.6	8.6	4	6	10.0	2.75	5.75	8.5	4	6	10.0	
16	000039	Lê Hoài Nam	03/11/2005	12A1	2.25	4.2	6.5	7.8	2.9	3.68	6.6	2.5	5.25	7.8	3.75	6	9.8	3.9	6	9.9	3.75	6	9.8	3.25	5.5	8.8	4	6	10.0	
17	000040	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	16/07/2005	12A1	3	3.6	6.6	7.5	3	2.1	5.1	1.75	4.75	6.5	1.75	5	6.8	3	4.8	7.8	2.25	4	6.3	2	3	5.0	3.25	3.5	6.8	
18	000041	Trần Thị Kim Ngọc	18/06/2004	12A1	3.25	4.6	7.9	7.8	3	4.38	7.4	1.75	3.25	5.0	3.5	5	8.5	2.25	5	7.3	3.5	5	8.5	1	3.25	4.3	4	4.25	8.3	
19	000043	Nguyễn Trần Minh Nhật	14/08/2005	12A1	3	4	7.0	8.0	3	4.03	7.0	3.25	6	9.3	3.75	4.75	8.5	3.4	5	8.4	3.5	5.6	9.1	2.5	5.5	8.0	4	5	9.0	
20	000044	Giang Tâm Như	20/12/2005	12A1	3.5	4.4	7.9	8.3	3	5.25	8.3	3.25	6	9.3	3.5	5.5	9.0	3	6	9.0	4	5.8	9.8	1.75	5.5	7.3	4	6	10.0	
21	000046	Đào Đức Phát	31/12/2005	12A1	2.75	4.6	7.4	7.5	3	4.03	7.0	3.75	5.25	9.0	4	5	9.0	3.3	5.6	8.9	3.5	5.2	8.7	3.25	5.5	8.8	4	5.5	9.5	
22	000048	Ong Lê Phú	03/10/2005	12A1	2.75	4.8	7.6	7.5	3	4.03	7.0	3.75	5.5	9.3	3.5	5.25	8.8	3	5.6	8.6	3.75	6	9.8	3	5.25	8.3	4	5.75	9.8	
23	000049	Trần Đức Phú	12/06/2005	12A1	3	4.6	7.6	7.3	3	4.2	7.2	3.5	5.75	9.3	4	5.25	9.3	3.5	5.8	9.3	4	5.2	9.2	3.25	5.5	8.8	4	6	10.0	
24	000052	Trần Bảo Phúc	12/09/2005	12A1	3.5	4.6	8.1	6.0	3	4.03	7.0	3	5.75	8.8	4	5.75	9.8	3.65	5.8	9.5	3.75	5.8	9.6	3.25	5	8.3	4	5	9.0	
25	000055	Lê Văn Quân	11/11/2005	12A1	3.25	5.2	8.5	7.3	3	3.68	6.7	4	6	10.0	4	6	10.0	3.5	5.8	9.3	4	6	10.0	3	5	8.0	4	5.75	9.8	
26	000057	Nguyễn Hồng Quý	25/04/2005	12A1	2.75	4.2	7.0	6.8	3	3.85	6.9	1	3.5	4.5	2.25	4.5	6.8	3	4.8	7.8	3.75	3.8	7.6	3.25	4.5	7.8	4	4	8.0	
27	000058	Nguyễn Thị Yến Sơn	21/12/2005	12A1	2.5	4.8	7.3	7.0	2.6	3.15	5.8	3.25	4.75	8.0	4	5.5	9.5	2.6	5.6	8.2	1.25	5.2	6.5	2.5	5	7.5	3.25	4.5	7.8	
28	000060	Đoàn Lê Thanh Tâm	14/03/2005	12A1	3	3.6	6.6	6.3	2.6	3.68	6.3	1.25	4	5.3	1.25	4.5	5.8	2.9	5.6	8.5	2.5	4.6	7.1	1.25	5	6.3	3.75	4.25	8.0	
29	000067	Nguyễn Thảo Trang	24/02/2005	12A1	3.75	4.4	8.2	6.5	3	4.73	7.7	3	5.5	8.5	4	5.5	9.5	3.5	6	9.5	3.25	6	9.3	2.75	5.5	8.3	3.5	5.75	9.3	
30	000071	Trương Quốc Trung	13/11/2005	12A1	2.75	4.8	7.6	6.5	2.8	3.68	6.5	3.25	5.25	8.5	4	5.5	9.5	2.85	6	8.9	3.5	6	9.5	2	5	7.0	3.75	5.5	9.3	
31	000072	Nguyễn Đăng Tú	29/01/2005	12A1	2.75	4.6	7.4	6.0	2.6	2.8	5.4	2.75	5.5	8.3	3.75	4.75	8.5	3.1	4	7.1	3.75	3.8	7.6	2.25	3.75	6.0	3.75	5.25	9.0	
32	000074	Đào Võ Tuyết Vi	25/02/2005	12A1	3.5	4.4	7.9	8.3	2.6	4.2	6.8	2.25	5	7.3	4	5.75	9.8	3.1	5.8	8.9	3.75	5	8.8	3.75	4.75	8.5	3.75	5.75	9.5	
33	000076	Lâm Gia Bảo	31/07/2005	12A1	3.5	3.6	7.1	7.3	3	4.73	7.7	3	5.25	8.3	4	4.75	8.8	3.75	5.6	9.4	3.75	5.4	9.2	3	4.25	7.3	3.5	5.5	9.0	
34	000081	Nguyễn Hải Đăng	08/06/2005	12A1	3	3.6	6.6	6.8	3	3.68	6.7	2.25	3.5	5.8	3.25	4.75	8.0	3.1	4.4	7.5	3.75	4.6	8.4	2	4.75	6.8	4	3.75	7.8	
35	000085	La Hoài Giang	22/03/2005	12A1	3.25	4.2	7.5	7.5	3	3.33	6.3	1.75	4.75	6.5	3.25	4.25	7.5	3.35	5.4	8.8	3.5	5	8.5	3.25	5.5	8.8	3.5	5.5	9.0	
36	000088	Trần Hồ Anh Hào	07/06/2005	12A1	2.5	3.6	6.1	7.3	2.6	5.43	8.0	2.5	4.75	7.3	3	5.25	8.3	3.25	5	8.3	2.75	5.6	8.4	1.75	5.25	7.0	3	5.25	8.3	
37	000090	Nguyễn Thị Diệu Hiền	25/09/2005	12A1	3.75	4.8	8.6	6.8	3	3.85	6.9	2.5	4	6.5	4	4.25	8.3	3.3	5.4	8.7	3.25	5.4	8.7	2.25	4	6.3	3	5.25	8.3	
38	000092	Trần Huy Hoàng	22/12/2005	12A1	3.75	4.6	8.4	7.5	2.2	1.58	3.8	3.25	3.25	6.5	3	4.5	7.5	3.5	4.4	7.9	1.75	5	6.8	2.75	4.75	7.5	2.5	5.5	8.0	
39	000094	Nguyễn Gia Huy	16/02/2005	12A1	3	4.4	7.4	7.8	2.6	4.73	7.3	2.75	3.75	6.5	4	5	9.0	3.75	4.8	8.6	3.5	5.4	8.9	3.5	5.75	9.3	2	4.75	6.8	
40	000102	Nguyễn Hồng Hải Ly	02/06/2005	12A1	2	3	5.0	8.3	3	5.08	8.1	2	4.75	6.8	2.25	5.25	7.5	3	5.8	8.8	3.75	5.8	9.6	2.5	4.5	7.0	4	5.75	9.8	
41	000104	Nguyễn Hoàng Minh	31/03/2005	12A1	3.75	3.6	7.4	6.3	3	2.8	5.8	3.25	4	7.3	2.75	4	6.8	3.3	3.6	6.9	3	3	6.0	1.25	3.25	4.5	2	5.5	7.5	
42	000112	Huỳnh Quang Phước	17/05/2005	12A1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
43	000115	Hoàng Hồng Thái	27/12/2005	12A1	3.5	4.8	8.3	7.3	3	4.55	7.6	3.75	5.75	9.5	4	5.75	9.8	3.25	6	9.3	3.75	6	9.8	3.25	4.75	8.0	4	6	10.0	
44	000125	Đinh Thị Thanh Tuyền	05/07/2005	12A1	3	4.6	7.6	7.8	3	2.98	6.0	3	5.25	8.3	3.75	6	9.8	3.5	4.6	8.1	4	6	10.0	2.5	5.25	7.8	4	5.75	9.8	
45	000001	Nguyễn Thanh An	21/06/2005	12A2	3.5	5	8.5	8.0	3	5.08	8.1	2	5	7.0	3.75	5	8.8	2.5	5.6	8.1	3.75	5.4	9.2	3.25	5	8.3	3.75	5.75	9.5	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
					TL	TN	TC		TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	
46	000002	Đỗ Thị Lan Anh	09/09/2005	12A2	3.25	4.4	7.7	7.8	3	4.38	7.4	3.25	5.5	8.8	2.25	3.5	5.8	1.3	6	7.3	3.75	3.8	7.6	2.25	4.25	6.5	4	5	9.0	
47	000004	Nguyễn Châu Anh	15/09/2005	12A2	3.25	4.6	7.9	7.5	3	5.08	8.1	3.75	5.75	9.5	4	5.75	9.8	2.6	6	8.6	3.75	5.2	9.0	3.5	5.25	8.8	4	4.75	8.8	
48	000007	Lê Hoài Bảo	21/05/2005	12A2	3.25	5	8.3	8.0	3	4.38	7.4	3	5.5	8.5	3.25	5	8.3	3.6	5.8	9.4	4	5.4	9.4	3	5	8.0	4	6	10.0	
49	000009	Võ Minh Cường	03/02/2005	12A2	3	5.2	8.2	7.5	3	4.38	7.4	3.75	5.5	9.3	2.5	5	7.5	3.4	6	9.4	3.75	5.6	9.4	2.25	5.5	7.8	4	6	10.0	
50	000016	Nguyễn Ngọc Gia Hân	18/11/2005	12A2	3.5	4	7.5	7.3	3	5.08	8.1	3.5	5.75	9.3	3.5	5.25	8.8	2.5	5.8	8.3	3.75	5.6	9.4	3.25	5.25	8.5	4	6	10.0	
51	000027	Mai Minh Khang	11/11/2005	12A2	3.5	4.4	7.9	7.0	3	5.78	8.8	4	6	10.0	3	4.75	7.8	3.4	5.8	9.2	3.75	4.4	8.2	2.25	4.25	6.5	4	4.5	8.5	
52	000028	Trần Phú Khang	22/01/2005	12A2	3	4.4	7.4	7.3	3	5.43	8.4	3.5	5.5	9.0	2.75	4.5	7.3	2.8	5.8	8.6	4	5.4	9.4	3.75	5.25	9.0	4	5.5	9.5	
53	000029	Nguyễn Gia Khánh	31/08/2005	12A2	3	4.6	7.6	7.5	3	4.2	7.2	3.75	5.75	9.5	3	5.75	8.8	2.9	6	8.9	3.75	5.2	9.0	3.5	5	8.5	4	5.5	9.5	
54	000035	Ngô Hữu Lợi	18/07/2005	12A2	3.5	5.2	8.7	8.0	3	4.03	7.0	3.25	5.25	8.5	3.5	5.5	9.0	3.5	6	9.5	4	5.6	9.6	2.25	5.5	7.8	4	5.75	9.8	
55	000036	Cao Thị Hồng Lý	15/05/2005	12A2	3.5	4.2	7.7	8.0	3	4.55	7.6	3.75	5.75	9.5	3	5.25	8.3	2.6	5.8	8.4	4	5.4	9.4	2.5	5.25	7.8	4	6	10.0	
56	000038	Nguyễn Vũ Anh Mỹ	27/08/2005	12A2	3.25	3.8	7.1	6.5	3	4.03	7.0	3.25	4.5	7.8	3.25	2.5	5.8	3.25	5.6	8.9	3.75	2.8	6.6	3.5	4.25	7.8	3.25	4	7.3	
57	000045	Huỳnh Thị Như	02/03/2005	12A2	3.25	3.8	7.1	7.3	2.6	4.38	7.0	3	5.5	8.5	3.5	5.25	8.8	3.15	6	9.2	3.75	5	8.8	2.75	5	7.8	4	5	9.0	
58	000050	Nguyễn Hoàng Phúc	21/07/2005	12A2	3.25	4.6	7.9	7.5	3	5.6	8.6	4	5.5	9.5	2.75	5.25	8.0	2.65	5.6	8.3	3.75	4.8	8.6	2.75	4.25	7.0	4	4.25	8.3	
59	000051	Nguyễn Ngọc Phúc	13/01/2005	12A2	3.25	4.2	7.5	6.5	3	4.38	7.4	2.75	4.25	7.0	2.5	4.5	7.0	2.5	6	8.5	3.75	5.2	9.0	3.25	5.75	9.0	4	5.75	9.8	
60	000056	Nguyễn Hoàng Quân	16/09/2005	12A2	3.25	4.6	7.9	7.8	3	3.5	6.5	2.5	5.25	7.8	2.5	3.75	6.3	2.76	5.8	8.6	3.75	5.6	9.4	3.5	4.75	8.3	4	5.25	9.3	
61	000062	Nguyễn Hồng Thảo	24/05/2005	12A2	3.75	5	8.8	8.0	3	6.48	9.5	4	6	10.0	4	5.75	9.8	4	6	10.0	4	5.6	9.6	3.75	5.75	9.5	4	6	10.0	
62	000064	Chu Thị Hoài Thương	22/05/2005	12A2	3.75	4.6	8.4	7.8	3	4.38	7.4	3.75	6	9.8	3.5	5.5	9.0	2.85	6	8.9	3.75	5.6	9.4	3.75	5.25	9.0	4	5.75	9.8	
63	000070	Phan Chí Trọng	23/04/2005	12A2	3	4	7.0	8.0	3	6.13	9.1	3.75	5.75	9.5	4	4.75	8.8	2.6	6	8.6	4	5.6	9.6	3	5.5	8.5	4	5.75	9.8	
64	000073	Phạm Lê Đình Tuấn	21/09/2005	12A2	3.25	4	7.3	7.8	2.2	2.8	5.0	2.25	5	7.3	3.75	5	8.8	2.65	5.4	8.1	3.25	5.2	8.5	2.25	5.25	7.5	4	6	10.0	
65	000075	Nguyễn Hoàng Thúy Vi	05/06/2005	12A2	3.75	4.6	8.4	7.5	3	4.9	7.9	3.25	5.5	8.8	3.75	4.5	8.3	3.5	5.6	9.1	3.75	4.8	8.6	3.75	5.75	9.5	3.75	5	8.8	
66	000077	Phan Duyên Bình	21/04/2005	12A2	3.25	4.2	7.5	7.5	3	4.2	7.2	2.5	5	7.5	2.75	4.5	7.3	2.65	6	8.7	3.75	5	8.8	2.75	4.5	7.3	4	5.75	9.8	
67	000078	Cao Nguyễn Mỹ Duyên	18/01/2005	12A2	3.25	4	7.3	8.3	3	4.2	7.2	4	5.25	9.3	2.75	5	7.8	2.5	5.2	7.7	3.5	4.2	7.7	3.75	5	8.8	4	6	10.0	
68	000079	Ngô Hồ Kỳ Duyên	21/09/2005	12A2	3.25	4.4	7.7	8.0	3	4.38	7.4	2.5	5.25	7.8	3.25	5	8.3	2.7	5.4	8.1	2.75	5	7.8	3.25	4.5	7.8	4	5.5	9.5	
69	000084	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2005	12A2	3	4	7.0	7.0	2.9	5.95	8.9	3.75	5.75	9.5	4	5	9.0	3.75	6	9.8	3.75	5	8.8	2.25	5.25	7.5	3.5	5.75	9.3	
70	000086	Nguyễn Lê Duy Hải	11/07/2005	12A2	3.25	5.2	8.5	6.8	3	4.73	7.7	3.5	5.5	9.0	3.25	5	8.3	3	5.8	8.8	3.75	5.4	9.2	3.5	4.75	8.3	4	5.75	9.8	
71	000089	Ngô Thanh Hậu	30/06/2005	12A2	3	4.6	7.6	7.3	3	4.55	7.6	2.75	5.5	8.3	2.75	4.75	7.5	3.9	5.6	9.5	3	5	8.0	2.25	4.75	7.0	4	6	10.0	
72	000095	Nguyễn Hoàng Huy	01/05/2005	12A2	3.5	5.2	8.7	8.3	3	4.2	7.2	3.75	6	9.8	4	5.25	9.3	3.65	5.6	9.3	4	5.6	9.6	3.75	5.25	9.0	4	5.75	9.8	
73	000096	Nguyễn Thái Gia Huy	08/07/2005	12A2	3	4	7.0	7.8	3	5.08	8.1	3	5	8.0	3	4.75	7.8	2.9	5.8	8.7	3.75	5.6	9.4	3.5	5	8.5	4	6	10.0	
74	000097	Trần Nhật Huy	04/03/2005	12A2	2.5	3.6	6.1	7.3	3	4.73	7.7	2.75	5.75	8.5	2	4.75	6.8	3.45	6	9.5	1	4.8	5.8	2.25	4.25	6.5	2	5.5	7.5	
75	000099	Hoàng Ngọc Hưng	29/11/2005	12A2	2.5	4.8	7.3	6.5	3	4.55	7.6	3.25	5.25	8.5	3.75	5.5	9.3	3.5	6	9.5	3	5.4	8.4	3	5	8.0	4	5.5	9.5	
76	000101	Nguyễn Hữu Luân	25/10/2005	12A2	3.25	4.6	7.9	8.3	3	4.9	7.9	3.5	5.25	8.8	4	5.75	9.8	3.55	5.4	9.0	4	5.6	9.6	3	5	8.0	4	5.75	9.8	
77	000103	Nguyễn Huy Mạnh	25/08/2005	12A2	3.25	4.4	7.7	7.0	3	4.55	7.6	3.5	5.5	9.0	2.75	4.25	7.0	2.8	5.4	8.2	3.75	4	7.8	3.5	5.5	9.0	3.5	5.5	9.0	
78	000106	Trương Tuyết Nga	02/02/2005	12A2	3.5	4.8	8.3	8.3	2.9	3.15	6.1	3.5	6	9.5	4	5.5	9.5	2.9	6	8.9	4	5.6	9.6	2.25	5.25	7.5	4	6	10.0	
79	000108	Phạm Minh Nhật	26/08/2004	12A2	3.5	5.2	8.7	7.8	3	4.9	7.9	3.25	6	9.3	4	5	9.0	4	6	10.0	4	5.4	9.4	4	5	9.0	4	5.5	9.5	
80	000109	Phạm Yến Nhi	28/01/2005	12A2	3	4.4	7.4	8.3	3	3.15	6.2	1.75	3.5	5.3	0.75	4	4.8	2.8	5.2	8.0	3.75	4.8	8.6	2.5	4.75	7.3	4	4.75	8.8	
81	000110	Trần Thị Thảo Nhi	16/04/2005	12A2	2.75	4	6.8	7.3	2.9	5.78	8.7	3.75	3.75	7.5	2.75	5.5	8.3	3.4	6	9.4	3.25	4.6	7.9	3.25	4.25	7.5	4	5.25	9.3	
82	000111	Hoàng Gia Triệu Phú	28/09/2005	12A2	3.25	4.6	7.9	8.5	3	3.5	6.5	3.75	6	9.8	3.25	5.75	9.0	3.3	6	9.3	3.75	5.2	9.0	3.75	4.5	8.3	4	6	10.0	
83	000114	Hoàng Lê Bảo Quốc	18/06/2005	12A2	3.5	4.4	7.9	7.0	3	3.5	6.5	3.5	5.5	9.0	4	5	9.0	2.35	5.8	8.2	3.75	5.4	9.2	2.75	5	7.8	4	4.75	8.8	
84	000117	Trang Ngọc Thảo	03/07/2005	12A2	3.5	4	7.5	7.5	3	3.68	6.7	3.75	6	9.8	3.75	5.25	9.0	1.75	5.8	7.6	3.75	5.4	9.2	3	5.5	8.5	4	6	10.0	
85	000118	Nguyễn Hữu Thiện	26/05/2005	12A2	3.75	5.2	9.0	6.8	3	5.43	8.4	2	4.25	6.3	3.5	4.25	7.8	2.5	5.2	7.7	2.75	3.4	6.2	2	3.75	5.8	2	3.25	5.3	
86	000120	Nguyễn Anh Thư	17/10/2005	12A2	3.5	3.8	7.3	8.3	3	4.73	7.7	3.75	5.75	9.5	3	5.75	8.8	3.1	5.8	8.9	3.75	5.6	9.4	3.75	5.75	9.5	4	5.75	9.8	
87	000005	Nguyễn Lê Tuấn Anh	17/11/2005	12A3	3.5	4.2	7.7	7.8	3	3.68	6.7	3.75	5.75	9.5	4	4	8.0	3.55	4.8	8.4	4	5.6	9.6	2.25	4.5	6.8	4	4.5	8.5	
88	000006	Nguyễn Vân Anh	14/01/2005	12A3	3.75	4.6	8.4	8.3	3	4.2	7.2	3.25	3.5	6.8	4	3.75	7.8	3	4.4	7.4	4	3.8	7.8	2.75	3.25	6.0	4	4.25	8.3	
89	000008	Đặng Thị Thanh Chúc	09/01/2005	12A3	3.75	5.4	9.2	8.3	3	4.55	7.6	2.5	5.75	8.3	2.5	5.75	8.3	3.7	5.4	9.1	4	5.2	9.2	3.25	5.25	8.5	3.5	5.75	9.3	
90	000012	Mai Phát Đạt	01/07/2005	12A3	3.25	4.6	7.9	7.3	3	4.03	7.0	3.5	6	9.5	3.25	5	8.3	3.7	5	8.7	4	5.4	9.4	3	4.5	7.5	4	5.5	9.5	
91	000013	Trịnh Quốc Đạt	24/04/2005	12A3	3.75	4.4	8.2	7.8	3	3.68	6.7	3.25	5.5	8.8	3.75	5.25	9.0	3.6	4	7.6	2.75	5	7.8	3.25	4.5	7.8	4	5	9.0	
92	000015	Nguyễn Thị Kim Giàu	26/11/2005	12A3	3.25	4.8	8.1	7.3	2.2	2.28	4.5	3.25	6	9.3	4	5	9.0	3.25	3.4	6.7	3	3.6	6.6	1.75	5	6.8	3.5	5	8.5	
93	000019	Trần Quốc Anh Hoàng	11/10/2005	12A3	3.75	5	8.8	7.3	2.9	3.33	6.2	2.5	5.5	8.0	3.75	4.75	8.5	4	5.4	9.4	4	5.4	9.4	2.5	5.25	7.8	4	5.5	9.5	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
					TL	TN	TC		TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	
94	000021	Bùi Văn Huy	01/03/2005	12A3	4	4.8	8.8	6.8	3	3.85	6.9	4	6	10.0	4	6	10.0	4	5.8	9.8	4	5.6	9.6	3.75	5.25	9.0	4	6	10.0	
95	000025	Trần Quang Khải	05/10/2005	12A3	3	3.4	6.4	6.8	3	2.63	5.6	2	3.25	5.3	2.5	3.75	6.3	3	4.4	7.4	3	4	7.0	2.25	3.75	6.0	3.5	5.25	8.8	
96	000030	Trần Nguyễn Anh Khoa	14/03/2005	12A3	3	5.4	8.4	6.5	3	5.78	8.8	3.25	6	9.3	3.25	6	9.3	3.5	5.4	8.9	4	5.6	9.6	3.5	5.75	9.3	4	5.75	9.8	
97	000034	Hoàng Phúc Lộc	06/09/2005	12A3	2.75	3.8	6.6	6.5	3	2.8	5.8	2.5	4	6.5	1.5	3.5	5.0	3.25	3.8	7.1	2.5	3	5.5	1.25	3.25	4.5	4	3.75	7.8	
98	000042	Huỳnh Minh Nhật	17/08/2005	12A3	3.25	5	8.3	7.8	3	4.73	7.7	4	5.5	9.5	4	5.75	9.8	3	4.8	7.8	4	4.8	8.8	2	4.75	6.8	4	5.25	9.3	
99	000047	Trương Thanh Phong	13/05/2005	12A3	3.5	3.6	7.1	7.0	3	4.03	7.0	2.25	5	7.3	2	3	5.0	3.25	4.2	7.5	2.25	4.8	7.1	1.5	3.75	5.3	4	5	9.0	
100	000053	Lê Văn Phước	10/10/2005	12A3	3.25	5	8.3	7.3	3	3.5	6.5	3.5	6	9.5	4	6	10.0	4	5.4	9.4	4	6	10.0	3.5	5.25	8.8	4	5.75	9.8	
101	000054	Dương Hải Huyền Phương	20/10/2005	12A3	3.5	4.8	8.3	7.8	3	3.68	6.7	2.5	4.75	7.3	2.75	3.75	6.5	3.3	5.6	8.9	3.5	5.2	8.7	3.25	5.5	8.8	4	5	9.0	
102	000059	Nguyễn Duy Tài	28/10/2005	12A3	3.5	5.2	8.7	6.3	3	3.85	6.9	3.25	4.75	8.0	3	4.25	7.3	3.75	5	8.8	3.75	4	7.8	2.75	5	7.8	3.75	4.25	8.0	
103	000061	Trần Xuân Tấn	19/05/2005	12A3	3.75	4.2	8.0	7.5	3	2.63	5.6	2.5	5.5	8.0	3.75	5	8.8	2.65	5	7.7	3.25	5.2	8.5	3.25	4.75	8.0	3	5.25	8.3	
104	000063	Lê Nguyễn Anh Thư	28/12/2005	12A3	3.75	4	7.8	8.3	2.6	3.85	6.5	4	2.5	6.5	4	5.25	9.3	4	5.2	9.2	4	5.8	9.8	3.5	4.75	8.3	3.25	4.75	8.0	
105	000065	Nguyễn Thị Hoài Thương	05/02/2005	12A3	3.75	3.6	7.4	8.0	3	4.03	7.0	2.75	5.75	8.5	2.25	4.75	7.0	3.9	5.2	9.1	4	5.6	9.6	3	4.5	7.5	4	5.75	9.8	
106	000066	Nguyễn Thị Xuân Thương	31/08/2005	12A3	3.75	4.2	8.0	7.5	3	3.85	6.9	3.75	5.75	9.5	4	5.75	9.8	3.8	5.2	9.0	4	4.6	8.6	3.75	4.5	8.3	3.5	6	9.5	
107	000068	Nguyễn Thị Thùy Trang	05/11/2005	12A3	3.5	5	8.5	8.3	3	4.55	7.6	4	6	10.0	4	5.25	9.3	3.9	6	9.9	4	5.4	9.4	4	5.5	9.5	4	5.5	9.5	
108	000069	Ngô Thiên Triều	20/08/2005	12A3	3.25	4.2	7.5	8.5	3	3.15	6.2	3.75	6	9.8	3.5	5.25	8.8	2.8	5	7.8	4	4.6	8.6	2.25	3.75	6.0	4	5	9.0	
109	000080	Phan Nguyễn Quỳnh Dương	12/12/2005	12A3	3.25	4.6	7.9	8.5	3	4.03	7.0	3.5	5.5	9.0	3.5	5.25	8.8	4	5.2	9.2	4	5.6	9.6	3.5	5.5	9.0	4	5.75	9.8	
110	000082	Nguyễn Khánh Đăng	07/03/2005	12A3	3.75	4.4	8.2	7.0	2.6	4.03	6.6	3.5	5.75	9.3	3	4.75	7.8	3.75	5.4	9.2	4	5.6	9.6	3	5.5	8.5	4	5.25	9.3	
111	000083	Ngô Thanh Điền	28/09/2005	12A3	3.5	4.2	7.7	7.5	3	3.15	6.2	3.75	5.5	9.3	3	5.5	8.5	3.7	4.6	8.3	4	5	9.0	3.25	5.25	8.5	4	5.75	9.8	
112	000087	Đặng Thị Hồng Hạnh	06/08/2005	12A3	3.25	3.6	6.9	7.0	3	3.15	6.2	2.25	5.25	7.5	3.5	5.25	8.8	4	4.2	8.2	3.75	5.2	9.0	3	5.5	8.5	4	5.25	9.3	
113	000091	Lâm Nguyễn Sanh Hoàng	11/09/2005	12A3	3.75	5.4	9.2	7.3	3	5.95	9.0	4	5.75	9.8	4	4.75	8.8	3.75	6	9.8	4	6	10.0	3.25	5.25	8.5	4	6	10.0	
114	000093	Bùi Gia Huy	08/06/2005	12A3	3.25	4.6	7.9	7.3	3	4.73	7.7	4	6	10.0	3.75	5.5	9.3	4	5.8	9.8	4	5.8	9.8	3.5	5.25	8.8	4	6	10.0	
115	000098	Võ Bùi Quang Huy	15/03/2005	12A3	3	4.4	7.4	7.0	3	4.73	7.7	3.5	3.75	7.3	2.25	4.25	6.5	3.75	5.4	9.2	3	5.2	8.2	3.5	5	8.5	3.5	5.5	9.0	
116	000100	Nguyễn Đặng Phước Hưng	09/12/2005	12A3	3.5	3.8	7.3	6.0	2.9	4.9	7.8	4	5.5	9.5	1.75	4.25	6.0	4	5	9.0	4	4	8.0	2.5	5.5	8.0	4	5.25	9.3	
117	000105	Phan Thảo My	16/08/2005	12A3	3.25	4.8	8.1	7.5	3	5.25	8.3	3.75	5.5	9.3	4	5.25	9.3	3.8	5.8	9.6	4	5.6	9.6	3.5	5.5	9.0	4	5.75	9.8	
118	000107	Trương Nguyễn Ngọc Ngân	15/08/2005	12A3	3.5	4.2	7.7	7.5	3	3.15	6.2	3	5.75	8.8	3.5	5.25	8.8	4	4.8	8.8	4	5.4	9.4	3.5	5	8.5	4	6	10.0	
119	000113	Nguyễn Văn Quân	08/11/2005	12A3	3.75	4.6	8.4	5.8	3	3.68	6.7	2.75	5.25	8.0	2	4.25	6.3	2.3	4.2	6.5	1.75	3.6	5.4	1.25	5.25	6.5	2	4	6.0	
120	000116	Cao Thị Diệp Thanh	23/09/2005	12A3	3.25	4	7.3	7.8	3	3.33	6.3	3.25	5.75	9.0	3.75	5.75	9.5	3.55	4.4	8.0	3.75	5	8.8	2.25	5	7.3	4	5.5	9.5	
121	000119	Nguyễn Thị Thanh Thúy	10/05/2005	12A3	3.25	4	7.3	7.0	3	3.68	6.7	2	3.75	5.8	2.5	4	6.5	3.15	3.6	6.8	3.75	4	7.8	2.5	4	6.5	4	3	7.0	
122	000121	Nguyễn Trung Tín	29/03/2005	12A3	3.75	4.6	8.4	8.5	3	3.33	6.3	2.75	5.5	8.3	3.5	4.75	8.3	3.8	3.4	7.2	4	5	9.0	2.75	5.75	8.5	4	5.5	9.5	
123	000122	Hoàng Huyền Trang	08/03/2005	12A3	3.5	4.6	8.1	8.0	3	4.2	7.2	3.75	6	9.8	3.75	6	9.8	3.5	5.2	8.7	4	5.6	9.6	2.5	5.5	8.0	4	6	10.0	
124	000123	Nguyễn Hàn Tùng Phong Trúc	08/11/2005	12A3	3.75	5	8.8	8.0	3	5.78	8.8	3.5	6	9.5	3.75	4.25	8.0	3.65	5.2	8.9	4	5	9.0	3.5	5	8.5	4	4.5	8.5	
125	000124	Nguyễn Hữu Tùng	02/07/2005	12A3	3.75	4.6	8.4	8.3	3	4.03	7.0	3.75	6	9.8	3.75	5.25	9.0	4	3.6	7.6	4	4.6	8.6	3.25	4	7.3	4	5.75	9.8	
126	000126	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	16/10/2005	12A3	3.5	4.4	7.9	7.0	3	4.55	7.6	2.5	5	7.5	3.75	5.25	9.0	4	5.2	9.2	4	5.4	9.4	3.25	5.5	8.8	4	5.5	9.5	
127	000127	Dư Vũ Vân Anh	16/03/2005	12A4	3	4.2	7.2	6.5	3	3.85	6.9	3.25	5	8.3	1.5	4	5.5	3.5	5.4	8.9	4	5.6	9.6	3.5	4.5	8.0	3.75	4.5	8.3	
128	000132	Trương Gia Bảo	19/12/2005	12A4	2	4	6.0	3.8	3	3.33	6.3	3	3	6.0	1	4.25	5.3	2.8	3	5.8	2	4.8	6.8	2.75	4.25	7.0	3.5	3.5	7.0	
129	000141	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	02/06/2005	12A4	2.25	4.4	6.7	8.0	3	4.38	7.4	3.25	6	9.3	4	5.5	9.5	3.6	5.6	9.2	4	5.8	9.8	3.75	5	8.8	4	5	9.0	
130	000144	Phạm Thị Thùy Dương	10/07/2005	12A4	2.25	2.6	4.9	7.0	2.9	4.38	7.3	1.75	5.25	7.0	2	4.5	6.5	2	4	6.0	3.25	5.6	8.9	3.25	4	7.3	2.5	3.25	5.8	
131	000148	Cao Thanh Hậu	07/10/2005	12A4	2.75	4.2	7.0	6.0	3	4.03	7.0	3.5	6	9.5	3.75	4.25	8.0	3.8	5	8.8	3.75	6	9.8	4	5.5	9.5	3.5	4	7.5	
132	000150	Dương Huế Hoa	03/02/2005	12A4	3.25	4.8	8.1	7.8	3	4.2	7.2	3.75	6	9.8	4	6	10.0	3.7	5.4	9.1	4	6	10.0	3.25	5.25	8.5	3.75	4	7.8	
133	000158	Nguyễn Quỳnh Kim Khánh	19/07/2004	12A4	2.5	3	5.5	6.0	2.5	3.68	6.2	2.5	6	8.5	1.5	5	6.5	3.5	5.8	9.3	1.5	5.6	7.1	3.25	4	7.3	3.3	4	7.3	
134	000164	Huỳnh Ngọc Tuyết Mai	07/05/2005	12A4	3	4	7.0	8.5	3	3.5	6.5	4	6	10.0	3.25	6	9.3	3.6	5.2	8.8	3.75	5.8	9.6	3.5	4	7.5	4	5.25	9.3	
135	000165	Quách Chánh Mẫn	23/09/2005	12A4	3	4.4	7.4	7.0	3	3.85	6.9	3	5.75	8.8	3.75	5.75	9.5	3.7	5.6	9.3	3	5.4	8.4	3.75	4.25	8.0	4	4.25	8.3	
136	000178	Trần Thị Yến Nhi	15/04/2005	12A4	3	5.2	8.2	7.0	3	3.85	6.9	3.75	5.75	9.5	2	5.75	7.8	3.6	5.8	9.4	3.75	5.2	9.0	3.25	5.5	8.8	3.5	3.75	7.3	
137	000183	Lê Xuân Hoàng Phát	09/10/2005	12A4	3.25	3.6	6.9	7.0	3	3.33	6.3	3	5.25	8.3	0.75	5	5.8	1.7	4.2	5.9	4	3.4	7.4	3	4.75	7.8	3.5	3.75	7.3	
138	000186	Đinh Thùy Uyên Phương	25/05/2005	12A4	3	4.6	7.6	7.3	2.5	4.38	6.9	2.5	6	8.5	2.5	5.75	8.3	3.9	5.6	9.5	3	5.8	8.8	2.75	4.25	7.0	1.75	3.25	5.0	
139	000187	Lê Minh Quan	12/09/2005	12A4	3.25	4.4	7.7	6.8	3	4.03	7.0	3	5	8.0	3.5	5.75	9.3	3.6	5.4	9.0	3.75	5.8	9.6	3.25	5.5	8.8	3.5	4	7.5	
140	000193	Nguyễn Hoàng Sơn	12/04/2005	12A4	2.5	5.4	7.9	6.8	3	2.8	5.8	3	3.75	6.8	3.25	4.75	8.0	3.5	4.2	7.7	4	5.4	9.4	3.25	4	7.3	4	4	8.0	
141	000214	Võ Thanh Tùng	03/08/2005	12A4	2	3.6	5.6	6.0	Vắng	Vắng	Vắng	3	6	9.0	3.25	5.25	8.5	2.6	5.2	7.8	0.75	5.4	6.2	2.75	4.5	7.3	3.75	3.5	7.3	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
					TL	TN	TC		TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	
142	000215	Nguyễn Vũ Ái Vi	01/01/2005	12A4	2.75	4.4	7.2	5.0	3	2.98	6.0	3	6	9.0	3.5	5.5	9.0	3.5	5.4	8.9	3.75	5.8	9.6	3.5	5.25	8.8	3.75	3.75	7.5	
143	000217	Nguyễn Đặng Khả Vy	24/05/2005	12A4	2.5	4.8	7.3	7.8	3	2.98	6.0	4	5.75	9.8	2.5	5.75	8.3	3	5.6	8.6	3.75	6	9.8	3.5	4.5	8.0	3.75	4.25	8.0	
144	000221	Dương Thị Kim Yến	27/06/2005	12A4	2.75	4.4	7.2	6.5	3	4.55	7.6	3	6	9.0	4	5.5	9.5	3.5	5.4	8.9	4	5.8	9.8	2	4.75	6.8	3.75	4.25	8.0	
145	000229	Trương Quốc Bảo	18/01/2005	12A4	2.25	3	5.3	5.0	2.6	2.98	5.6	2.75	5	7.8	3	5.5	8.5	2.5	4.4	6.9	2.75	4.8	7.6	1.25	4.25	5.5	2.5	3.5	6.0	
146	000230	Nguyễn Hồ Ngọc Bích	09/08/2005	12A4	2.5	4.2	6.7	6.8	3	4.2	7.2	2.75	6	8.8	3	6	9.0	3.3	5.8	9.1	4	6	10.0	3.25	3.75	7.0	4	4.5	8.5	
147	000236	Nguyễn Long Thành Đạt	10/11/2005	12A4	1.75	2.8	4.6	5.3	3	2.8	5.8	2	1.5	3.5	0.75	3	3.8	2.2	3.4	5.6	1.25	5.6	6.9	2.5	3.5	6.0	3.75	4.25	8.0	
148	000238	Nguyễn Hồng Gấm	19/01/2005	12A4	2.75	4.2	7.0	7.8	3	2.8	5.8	2.75	6	8.8	1.5	5	6.5	3.3	5.4	8.7	4	5.8	9.8	3.5	5	8.5	4	4.5	8.5	
149	000239	Đỗ Văn Anh Hào	31/12/2005	12A4	2.75	3.8	6.6	7.3	3	3.33	6.3	2.25	5.5	7.8	3.25	5.5	8.8	3.7	5.4	9.1	3.5	5.4	8.9	3.75	4.5	8.3	3.75	4	7.8	
150	000240	Huỳnh Ngọc Cẩm Hằng	29/07/2005	12A4	2.5	4.2	6.7	5.8	3	2.98	6.0	3.25	5.75	9.0	2.5	5.5	8.0	3.6	4.6	8.2	3.5	5.4	8.9	3.75	5.25	9.0	3.25	4	7.3	
151	000243	Trần Hoàng Hiệp	01/12/2005	12A4	2	4.8	6.8	5.5	3	4.2	7.2	3	3.5	6.5	1	5.5	6.5	2.6	3	5.6	3.75	4.2	8.0	3.5	3.75	7.3	4	3.5	7.5	
152	000247	Nguyễn Phan Gia Huy	13/06/2005	12A4	3	5.2	8.2	7.0	2.9	3.68	6.6	3	5.75	8.8	2	5	7.0	2.5	4.6	7.1	4	5.4	9.4	1.75	4.75	6.5	3.5	3.5	7.0	
153	000248	Phạm Thị Ngọc Huyền	12/12/2005	12A4	2.25	3.4	5.7	6.5	3	2.8	5.8	3.25	4	7.3	3.25	5.5	8.8	3	3.8	6.8	3.75	4.6	8.4	3	4.25	7.3	3.75	3.5	7.3	
154	000253	Lê Vũ Anh Khoa	15/06/2005	12A4	3	4	7.0	6.5	3	4.03	7.0	3.25	6	9.3	3	5.75	8.8	3.7	5.6	9.3	4	5.6	9.6	2.75	5.25	8.0	3.5	4.75	8.3	
155	000258	Ngô Thùy Linh	16/12/2004	12A4	2.25	3.6	5.9	6.8	2.6	3.15	5.8	2.5	5.75	8.3	2.25	5.5	7.8	3.5	5.4	8.9	4	5.2	9.2	2	5	7.0	3.75	4.25	8.0	
156	000266	Lê Nguyễn Hoàng Minh	18/02/2005	12A4	3	5	8.0	7.0	3	4.55	7.6	3.25	6	9.3	4	5.5	9.5	3.5	5.6	9.1	4	6	10.0	3.25	5.25	8.5	4	3.75	7.8	
157	000268	Dương Vân Nga	13/10/2005	12A4	3.75	4.8	8.6	8.5	2.6	4.38	7.0	3.5	5.25	8.8	3	5.25	8.3	3.6	5.4	9.0	3.5	5.4	8.9	3	4.5	7.5	3.5	4.25	7.8	
158	000271	Nguyễn Lê Bảo Ngân	31/10/2005	12A4	3	3	6.0	5.3	2.5	2.45	5.0	3.75	3.25	7.0	2.75	5	7.8	3.5	5	8.5	3.75	4.2	8.0	3.75	3.75	7.5	2	2.5	4.5	
159	000273	Nguyễn Thị Bích Ngân	17/09/2005	12A4	2.75	4	6.8	5.0	3	2.98	6.0	2.75	5.25	8.0	1.75	4.75	6.5	2.3	4.2	6.5	0.75	3.2	4.0	3	2.5	5.5	2	3	5.0	
160	000276	Nguyễn Đức Tuấn Ngọc	22/02/2005	12A4	3.25	5.4	8.7	6.8	3	3.85	6.9	3.5	5.25	8.8	1	5.75	6.8	3.7	5.4	9.1	3.5	5.6	9.1	2.75	4.75	7.5	3.75	4.25	8.0	
161	000277	Nguyễn Thị Kim Ngọc	01/08/2005	12A4	3.25	5	8.3	6.3	3	3.68	6.7	3.5	5.75	9.3	3	5	8.0	2.5	5.6	8.1	4	5.6	9.6	4	4.75	8.8	3.75	4.25	8.0	
162	000282	Lê Ngọc Nhi	09/02/2005	12A4	2.5	4	6.5	6.3	2.9	2.45	5.4	2.5	2.75	5.3	1.25	4.25	5.5	2.1	3.2	5.3	3.5	4.2	7.7	2	3.5	5.5	2.75	3.25	6.0	
163	000294	Nguyễn Thanh Phương	25/04/2005	12A4	2.75	3.6	6.4	5.8	3	3.33	6.3	3	5	8.0	4	5.25	9.3	3.2	4.6	7.8	3.75	5.8	9.6	3	4.25	7.3	3.5	4	7.5	
164	000297	Đậu Xuân Quốc	28/09/2005	12A4	3.25	4	7.3	5.8	2.8	4.03	6.8	2.75	6	8.8	2.5	4	6.5	3.2	4.6	7.8	3.5	5.4	8.9	2.5	4.5	7.0	4	4.25	8.3	
165	000301	Nguyễn Kim Quyến	08/03/2005	12A4	2.25	3.6	5.9	6.8	2.9	4.38	7.3	3	5.75	8.8	2.25	5.5	7.8	3.5	5.4	8.9	3.75	5.6	9.4	2.25	5.5	7.8	2.3	3.75	6.1	
166	000303	Nguyễn Hữu Tấn Tài	23/11/2005	12A4	2.25	4	6.3	6.0	2.6	3.5	6.1	3.5	5.75	9.3	2.75	5.25	8.0	3	4.8	7.8	4	4.8	8.8	2.75	3.25	6.0	3	3.5	6.5	
167	000309	Phạm Ngọc Thảo	02/12/2005	12A4	3.75	5	8.8	7.3	3	5.43	8.4	3.5	6	9.5	4	6	10.0	4	6	10.0	4	6	10.0	4	5.25	9.3	4	5.5	9.5	
168	000317	Hồ Thanh Tiền	19/08/2005	12A4	2.75	3.6	6.4	6.8	3	2.45	5.5	2.5	4.25	6.8	3.75	5	8.8	3.5	5.8	9.3	3.5	4.8	8.3	3.25	4	7.3	2	3.75	5.8	
169	000330	Đặng Ngọc Trường Vy	11/08/2005	12A4	3	4.8	7.8	7.8	3	4.55	7.6	3.75	6	9.8	4	6	10.0	3.1	5.4	8.5	4	6	10.0	3.5	5.75	9.3	4	5.25	9.3	
170	000338	Đặng Thị Mỹ Yên	17/04/2005	12A4	3	3.8	6.8	5.5	2.3	2.8	5.1	3.25	5.5	8.8	3	5	8.0	2.5	5.6	8.1	4	5.6	9.6	3	4.75	7.8	2.5	3.5	6.0	
171	000341	Nguyễn Thị Hải Yến	03/03/2005	12A4	3	4	7.0	6.3	2.6	4.73	7.3	3	6	9.0	2.25	5.25	7.5	2.9	5.2	8.1	4	5.2	9.2	2.75	4.75	7.5	4	4.5	8.5	
172	000128	Nguyễn Tiến Anh	16/02/2005	12A5	2.5	3.4	5.9	6.0	3	2.98	6.0	3	4.75	7.8	1.75	5.75	7.5	3.2	5.4	8.6	3	3.6	6.6	2.25	4.25	6.5	2.25	3.5	5.8	
173	000139	Lê Văn Dũng	05/05/2005	12A5	2.75	3	5.8	7.5	2.5	3.33	5.8	3	5.75	8.8	3.75	5.75	9.5	3.5	5	8.5	3.75	5.8	9.6	2.5	4	6.5	3.75	3.25	7.0	
174	000149	Nguyễn Xuân Hiển	06/01/2005	12A5	2.25	4	6.3	7.8	3	4.03	7.0	3.25	5.5	8.8	3	4.25	7.3	3.2	4.8	8.0	3	5.2	8.2	2.5	4	6.5	3.5	3.75	7.3	
175	000151	Nguyễn Thị Kim Hoa	30/09/2005	12A5	3.25	5.2	8.5	8.0	3	4.55	7.6	3.75	6	9.8	4	5.75	9.8	3.35	5.8	9.2	4	5.2	9.2	2.5	4.75	7.3	4	4.25	8.3	
176	000159	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	05/06/2005	12A5	3.25	4.8	8.1	8.0	3	2.28	5.3	3	5.75	8.8	2.5	5.5	8.0	3.9	5.8	9.7	3.5	5.2	8.7	3.5	3.5	7.0	3.5	3.5	7.0	
177	000161	Trần Văn Lâm	28/03/2005	12A5	2.75	4.4	7.2	6.5	3	3.33	6.3	3	4.75	7.8	1	5.25	6.3	3	3.6	6.6	3.75	3	6.8	0.75	3.25	4.0	3.25	4.25	7.5	
178	000166	Tống Anh Minh	10/06/2005	12A5	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
179	000167	Lý Nhựt Nam	12/05/2005	12A5	2.75	4.2	7.0	7.3	3	3.5	6.5	3	6	9.0	2.75	5.75	8.5	3.1	5.4	8.5	3.5	5.2	8.7	2.5	4	6.5	2.5	2	4.5	
180	000181	Võ Hoàng Như	11/07/2005	12A5	2.5	3.2	5.7	7.3	2.8	4.2	7.0	3	4.5	7.5	1	4.5	5.5	1.6	5	6.6	3.75	4.8	8.6	2.5	4.5	7.0	4	5.25	9.3	
181	000191	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	23/08/2005	12A5	3	3	6.0	7.3	2.5	4.2	6.7	2.5	4.75	7.3	2	4.75	6.8	3.6	5.4	9.0	3.25	5.6	8.9	2	4.5	6.5	3.75	4	7.8	
182	000198	Lê Thanh Thảo	15/10/2005	12A5	3	3.8	6.8	7.3	2.5	3.5	6.0	3.25	5.75	9.0	3	5.75	8.8	3.2	5.4	8.6	3.5	5.8	9.3	3.5	4.75	8.3	4	3.75	7.8	
183	000201	Phạm Minh Thư	20/07/2005	12A5	2.25	3.4	5.7	6.3	3	2.98	6.0	2.75	6	8.8	3	5.5	8.5	2.6	5	7.6	3.5	5.2	8.7	3	2.5	5.5	4	3	7.0	
184	000206	Huỳnh Ngọc Minh Tiến	17/04/2005	12A5	2.75	3.8	6.6	5.5	2.5	3.68	6.2	3.75	3.5	7.3	3	4	7.0	2.7	3.4	6.1	3.75	5.2	9.0	1.75	3.75	5.5	3.5	4	7.5	
185	000213	Nguyễn Đỗ Anh Tuấn	28/11/2005	12A5	3	4.2	7.2	5.3	2.6	3.85	6.5	2.5	6	8.5	3	4.5	7.5	3.5	5.2	8.7	3.5	5.8	9.3	3.75	5.25	9.0	4	3.75	7.8	
186	000220	Trần Nguyễn Hà Vy	14/05/2005	12A5	2.5	3.2	5.7	6.3	3	3.85	6.9	3.25	5.5	8.8	2.75	5	7.8	3.2	5.4	8.6	3.75	4.2	8.0	3	4.5	7.5	3	4	7.0	
187	000225	Nguyễn Thanh Kim Anh	06/11/2005	12A5	2.25	3.8	6.1	7.8	2.9	2.8	5.7	2.5	4.75	7.3	2	5.75	7.8	3	5	8.0	4	5.2	9.2	2	4	6.0	3.75	4	7.8	
188	000227	Phạm Ngọc Ánh	19/09/2005	12A5	2.5	3.8	6.3	7.5	3	3.85	6.9	4	6	10.0	3.75	6	9.8	3.8	5.2	9.0	4	6	10.0	3.75	4.75	8.5	4	4	8.0	
189	000245	Phạm Trần Gia Hòa	01/09/2005	12A5	3	3.2	6.2	7.0	2.9	4.55	7.5	3	5.5	8.5	2.25	5	7.3	2.7	4.4	7.1	3.5	5	8.5	2.5	3.75	6.3	2.5	4.25	6.8	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
					TL	TN	TC		TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	
190	000250	Phạm Tấn Hưng	25/02/2005	12A5	3	4.2	7.2	7.3	3	3.5	6.5	3	6	9.0	3	5.75	8.8	3.6	5.8	9.4	3.5	5.8	9.3	3.25	5.25	8.5	3.5	4	7.5	
191	000254	Nguyễn Huỳnh Anh Khoa	04/10/2004	12A5	1.75	3	4.8	6.0	2.6	2.63	5.2	2.75	5.5	8.3	0.25	4.75	5.0	3.8	5.6	9.4	3.75	5.2	9.0	2	4	6.0	3.25	3.75	7.0	
192	000260	Nguyễn Thị Thùy Linh	23/10/2005	12A5	3	4.6	7.6	7.0	3	2.8	5.8	3.5	5.5	9.0	2.5	5.5	8.0	3.5	5.4	8.9	4	5.4	9.4	3.5	4.25	7.8	4	4.5	8.5	
193	000262	Huỳnh Thái Toàn Lợi	21/11/2005	12A5	3.5	4	7.5	6.5	2.1	3.33	5.4	2.75	5.75	8.5	2.25	5.5	7.8	3	5.2	8.2	3.75	4.8	8.6	3	4.5	7.5	4	4.25	8.3	
194	000272	Nguyễn Thanh Ngân	04/04/2005	12A5	2.75	3.8	6.6	7.0	3	3.33	6.3	3	5.25	8.3	0.5	6	6.5	2.7	5	7.7	3.75	3.4	7.2	3.5	3	6.5	4	3.25	7.3	
195	000275	Võ Thủy Ngân	24/12/2004	12A5	3	4	7.0	6.5	3	3.15	6.2	3.75	6	9.8	3.75	5.75	9.5	4	5.4	9.4	4	5.8	9.8	3.25	5.25	8.5	4	5.5	9.5	
196	000278	Trương Minh Ngọc	31/07/2005	12A5	2.75	3	5.8	6.8	2.9	3.5	6.4	3.25	5.75	9.0	3.75	5.75	9.5	3	5.6	8.6	3.75	5.6	9.4	3.5	4.25	7.8	4	4.5	8.5	
197	000280	Bùi Thị Yến Nhi	11/12/2005	12A5	2.5	2.8	5.3	6.0	2.8	4.2	7.0	2.25	6	8.3	3	4.75	7.8	3.3	4.8	8.1	3.25	5.8	9.1	2.75	3.5	6.3	4	3.75	7.8	
198	000285	Phạm Nguyễn Thảo Nhi	18/10/2005	12A5	2.75	4.2	7.0	6.0	3	4.03	7.0	3	5.75	8.8	3.25	5.75	9.0	3.3	5.2	8.5	3.75	5.4	9.2	3.25	5.25	8.5	2.5	5	7.5	
199	000286	Tạ Thùy Nhiên	18/07/2005	12A5	3.5	4.2	7.7	7.8	2.6	4.38	7.0	3.5	5.5	9.0	2.25	5.5	7.8	1.8	5.8	7.6	3.5	6	9.5	2.25	4.75	7.0	4	4.25	8.3	
200	000288	Đinh Thị Nụ	31/05/2005	12A5	3	4.8	7.8	5.3	2.9	2.63	5.5	3.25	4.75	8.0	4	5	9.0	2.5	4.2	6.7	3	4.4	7.4	2.75	3.75	6.5	3	3.75	6.8	
201	000289	Phạm Thành Phát	10/08/2005	12A5	2.5	4.6	7.1	4.5	3	3.5	6.5	2.25	5	7.3	3.25	4	7.3	3.8	5	8.8	3.5	4.2	7.7	1.75	2.75	4.5	2	3	5.0	
202	000295	Nguyễn Thị Hoài Phương	26/10/2005	12A5	3	4.6	7.6	7.8	3	3.68	6.7	3.25	6	9.3	3.75	5.75	9.5	3.7	5.4	9.1	4	6	10.0	2.5	5.25	7.8	3.75	3.5	7.3	
203	000298	Đoàn Kiến Quốc	18/09/2005	12A5	3	4.6	7.6	5.8	2.9	4.55	7.5	4	5.5	9.5	2.5	5.5	8.0	3.9	5.2	9.1	3.75	5.2	9.0	3	5	8.0	3.75	3.75	7.5	
204	000304	Phạm Thanh Tâm	28/06/2005	12A5	2.75	3.6	6.4	7.5	3	3.5	6.5	3	5.75	8.8	3.5	5.5	9.0	3.1	5.4	8.5	4	5.6	9.6	2.75	4.25	7.0	3.75	3.75	7.5	
205	000311	Trần Quang Thể	11/07/2005	12A5	3	4.6	7.6	7.5	3	3.5	6.5	3.75	6	9.8	4	5.75	9.8	3.8	5.8	9.6	4	5.6	9.6	3	5	8.0	3.75	4.75	8.5	
206	000314	Châu Thục Thư	12/07/2005	12A5	3.75	5	8.8	7.5	3	4.9	7.9	4	5.75	9.8	4	6	10.0	4	5.2	9.2	4	5.8	9.8	4	5.5	9.5	4	4.75	8.8	
207	000321	Nguyễn Phạm Bảo Trâm	31/07/2005	12A5	2.75	4	6.8	6.3	3	5.43	8.4	3.5	5.75	9.3	4	5.5	9.5	3.7	5.4	9.1	3.5	6	9.5	3.5	6	9.5	4	5	9.0	
208	000324	Lại Thị Minh Uyên	23/08/2005	12A5	3	5.2	8.2	7.3	2.4	4.03	6.4	2.25	6	8.3	2.25	5.75	8.0	3.6	5	8.6	4	5.8	9.8	2.5	4.5	7.0	3.75	4	7.8	
209	000328	Trương Trần Anh Vũ	20/01/2005	12A5	2.75	3	5.8	7.0	2.5	4.03	6.5	2.5	6	8.5	2.25	5.25	7.5	3.9	5.4	9.3	2.75	5.6	8.4	3.5	5.25	8.8	2.25	4	6.3	
210	000331	Hồ Nguyễn Huyền Vy	28/02/2005	12A5	2.75	4.2	7.0	6.3	2.7	4.03	6.7	3.5	6	9.5	4	5.75	9.8	3.4	5.2	8.6	3.75	5.6	9.4	3.75	5.25	9.0	4	4.25	8.3	
211	000335	Dương Thị Ngọc Xuân	20/03/2005	12A5	3	3.6	6.6	7.0	2.2	4.2	6.4	3.75	5.75	9.5	3.75	5.25	9.0	3.9	5.6	9.5	4	5.8	9.8	3	4.75	7.8	3.5	4.25	7.8	
212	000336	Trần Nguyễn Như Ý	01/09/2005	12A5	2.75	3.4	6.2	6.5	2.2	3.85	6.1	3	3.75	6.8	4	5.5	9.5	2.75	5.6	8.4	4	5.8	9.8	3	5.25	8.3	4	4.5	8.5	
213	000130	Thái Hồng Anh	25/04/2005	12A6	3	4.4	7.4	8.3	2.7	4.38	7.1	2.5	4.75	7.3	4	5	9.0	2.8	5.4	8.2	4	4.6	8.6	3.5	4.25	7.8	4	4.5	8.5	
214	000131	Trần Ngọc Linh Anh	12/08/2005	12A6	2.75	4.4	7.2	8.3	3	3.85	6.9	3	5.5	8.5	4	6	10.0	3.5	5.8	9.3	4	5.6	9.6	4	5.25	9.3	4	5	9.0	
215	000133	Nguyễn Văn Bằng	12/12/2005	12A6	2.75	4	6.8	8.0	3	2.1	5.1	1.75	3	4.8	3.75	5.75	9.5	3.1	3.8	6.9	3.5	3.6	7.1	4	4.75	8.8	3.5	4.75	8.3	
216	000134	Ngô Thanh Bình	17/03/2005	12A6	2.75	4.2	7.0	7.0	3	3.15	6.2	2.75	5.25	8.0	3	5.5	8.5	3	5.8	8.8	3	4.8	7.8	3.75	4.25	8.0	4	4.25	8.3	
217	000137	Trần Lê Phương Dung	26/02/2005	12A6	2.5	4	6.5	8.0	2.9	3.68	6.6	1.5	3.75	5.3	2	5	7.0	3.1	4.4	7.5	3.25	4.4	7.7	3.75	4	7.8	3.75	5	8.8	
218	000140	Lê Thị Ngọc Duyên	28/05/2005	12A6	3	3.4	6.4	8.3	3	4.03	7.0	2.25	5.25	7.5	3.25	4.25	7.5	2.7	5.4	8.1	4	3.2	7.2	3.25	3.75	7.0	4	3.25	7.3	
219	000142	Nguyễn Thị Thùy Duyên	31/07/2005	12A6	2.25	3.4	5.7	7.3	2.9	3.68	6.6	3	6	9.0	3.5	4.75	8.3	3.7	5.6	9.3	3.5	5	8.5	3.5	4	7.5	4	4.5	8.5	
220	000145	Phùng Quốc Đạt	28/04/2005	12A6	3	4.2	7.2	8.0	3	3.5	6.5	3	5.5	8.5	3.75	5.5	9.3	3	5.6	8.6	3.75	5.2	9.0	3.5	5	8.5	4	5	9.0	
221	000146	Lê Thị Hảo	26/12/2005	12A6	3	3.6	6.6	7.5	3	3.85	6.9	3	5.5	8.5	2	5.25	7.3	1.7	3.4	5.1	3.25	5	8.3	4	4.5	8.5	2.5	3.5	6.0	
222	000152	Dương Lê Gia Hòa	12/06/2004	12A6	2	2	4.0	8.0	0.4	2.2	2.6	0.25	2	2.3	2	1.8	3.8	1.5	4.25	5.8	3	2	5.0	1.75	2.1	3.9	3.5	2	5.5	
223	000153	Nguyễn Tiến Hoài	16/01/2005	12A6	2.75	4	6.8	7.8	3	3.68	6.7	3.25	5.75	9.0	3	5.25	8.3	3.1	5.4	8.5	3.75	4.8	8.6	3	4.75	7.8	4	4	8.0	
224	000155	Nguyễn Đang Huy	11/01/2004	12A6	2.75	3.6	6.4	6.5	2.6	3.68	6.3	2.5	4.75	7.3	3.5	5.25	8.8	3.1	4.2	7.3	3.5	4.6	8.1	3.25	4.75	8.0	3.5	3.75	7.3	
225	000157	Trương Nguyễn Mai Huy	09/03/2005	12A6	2.25	4.4	6.7	8.0	3	4.73	7.7	3	4.75	7.8	2.25	4.75	7.0	3.5	5.2	8.7	3.5	5	8.5	3.75	4.75	8.5	3.5	4.75	8.3	
226	000160	Lê Đức Anh Khoa	02/10/2005	12A6	3.5	4.4	7.9	7.5	2.9	4.2	7.1	3	6	9.0	3.5	5.75	9.3	3.8	5.4	9.2	4	5.6	9.6	4	5.75	9.8	3.75	4	7.8	
227	000162	Phan Khánh Linh	20/08/2004	12A6	1.75	4.6	6.4	7.8	3	4.2	7.2	2	6	8.0	2.25	5.75	8.0	3.3	5	8.3	3.75	4.8	8.6	3.25	5.25	8.5	4	3.5	7.5	
228	000168	Huỳnh Thị Tuyết Ngân	22/03/2005	12A6	3	4.6	7.6	7.3	3	3.5	6.5	2.25	5.25	7.5	3.26	6	9.3	3.6	5.8	9.4	4	4.6	8.6	3.75	4.5	8.3	4	4.75	8.8	
229	000170	Huỳnh Đức Nghị	23/09/2005	12A6	2.5	4.6	7.1	7.3	3	3.68	6.7	3	6	9.0	2.75	5.75	8.5	3	5.4	8.4	3.5	5.4	8.9	4	5	9.0	4	3.75	7.8	
230	000173	Nguyễn Thị Nguyên	31/07/2005	12A6	2.75	4.2	7.0	6.5	3	3.33	6.3	2.5	6	8.5	3	5	8.0	3.3	5.2	8.5	3.75	3.2	7.0	3.75	4	7.8	4	4	8.0	
231	000176	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/04/2005	12A6	3	3.4	6.4	7.0	2.9	4.9	7.8	3.25	3.75	7.0	2.25	5.75	8.0	3.5	5.2	8.7	3.5	3.6	7.1	3.75	4.75	8.5	4	4.25	8.3	
232	000177	Nguyễn Ý Nhi	21/04/2005	12A6	3	3.6	6.6	8.0	2.5	3.85	6.4	3	5.75	8.8	4	5.75	9.8	3.8	5.6	9.4	3.25	5	8.3	4	3.25	7.3	4	3.5	7.5	
233	000180	Huỳnh Phương Như	01/06/2005	12A6	2.5	4.4	6.9	7.3	2.9	4.73	7.6	2	5	7.0	3.75	6	9.8	3.6	6	9.6	2.75	4.2	7.0	3.75	3.75	7.5	4	4	8.0	
234	000184	Nguyễn Thị Yến Phi	10/11/2005	12A6	3	4.2	7.2	8.0	3	3.5	6.5	3.5	6	9.5	4	5.75	9.8	4	5.4	9.4	3.75	5.6	9.4	4	5	9.0	4	4.5	8.5	
235	000189	Đào Minh Quân	10/10/2005	12A6	3	4	7.0	7.5	3	3.85	6.9	3	5.75	8.8	2.75	4.75	7.5	2.5	5.4	7.9	3.75	4.4	8.2	3.75	5	8.8	3.75	4.75	8.5	
236	000192	Nguyễn Thế Sang	26/10/2005	12A6	2.75	3.6	6.4	7.5	3	4.55	7.6	3	5	8.0	3.5	5.5	9.0	3.7	4.8	8.5	3.5	4.4	7.9	4	4.75	8.8	3.5	3.75	7.3	
237	000194	Đỗ Cao Minh Tâm	17/11/2005	12A6	1.75	2.8	4.6	7.0	2.5	2.98	5.5	2.75	5.25	8.0	2	3.25	5.3	2	5.2	7.2	3.5	4.2	7.7	2.75	2.25	5.0	3.25	4	7.3	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
					TL	TN	TC		TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	
238	000195	Thạch Phú Tân	18/10/2005	12A6	2.5	2.8	5.3	6.0	2.2	3.33	5.5	2.25	2.75	5.0	3.5	2.75	6.3	3	3.4	6.4	3.5	3.6	7.1	3.5	4	7.5	3.75	3.75	7.5	
239	000196	Trần Tân Thanh	03/09/2005	12A6	2.25	3.4	5.7	7.5	3	3.15	6.2	3.25	6	9.3	1.25	5.5	6.8	2.3	4.6	6.9	3	4.8	7.8	2.5	2.75	5.3	2	4	6.0	
240	000197	Phạm Quang Thành	08/12/2005	12A6	3	3.4	6.4	6.5	2.6	2.1	4.7	3	4.75	7.8	2.5	5	7.5	3.3	5.2	8.5	3.5	1.6	5.1	4	3.25	7.3	4	4	8.0	
241	000199	Nguyễn Thị Kim Thoa	27/12/2005	12A6	2.25	3.8	6.1	6.8	3	3.68	6.7	2.75	6	8.8	2	5.25	7.3	3.8	5.2	9.0	3.25	4.2	7.5	3.75	3.75	7.5	3.5	3	6.5	
242	000200	Nguyễn Phan Huy Thuận	01/10/2005	12A6	3	4	7.0	8.0	3	3.85	6.9	3.5	4.75	8.3	4	5.5	9.5	3	3.8	6.8	3.5	3.8	7.3	4	4.5	8.5	4	4.25	8.3	
243	000202	Thái Thị Anh Thư	22/10/2005	12A6	2	3.4	5.4	7.0	2.9	3.15	6.1	3	5.5	8.5	2	4.25	6.3	1.8	4.8	6.6	3.25	3.6	6.9	3.75	4	7.8	3.75	4	7.8	
244	000203	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/04/2005	12A6	2.75	3.6	6.4	6.8	3	4.2	7.2	3.25	6	9.3	3.5	5.75	9.3	3	5.6	8.6	4	5.2	9.2	2.5	4.75	7.3	4	5.25	9.3	
245	000204	Mai Thy Thy	12/08/2005	12A6	3.25	5	8.3	8.0	3	4.2	7.2	3.5	5.75	9.3	3.75	5.5	9.3	3.3	5.4	8.7	3.75	5.4	9.2	4	5.25	9.3	4	4.25	8.3	
246	000205	Lê Trần Nhật Tiên	23/09/2005	12A6	0.75	3.2	4.0	7.8	3	2.63	5.6	3	1.75	4.8	1.5	3	4.5	2.2	3.4	5.6	0.5	3.6	4.1	2.5	2.75	5.3	4	3.5	7.5	
247	000207	Lê Trọng Tín	04/08/2005	12A6	3.25	4.6	7.9	7.3	3	4.2	7.2	3	5.25	8.3	3.25	5	8.3	2.7	4.8	7.5	3.5	5.2	8.7	4	5	9.0	4	4.75	8.8	
248	000216	Bùi Nguyễn Tấn Vũ	04/09/2005	12A6	2.5	2.6	5.1	6.0	2.6	2.63	5.2	1.25	2.75	4.0	3.5	3	6.5	1.5	2.6	4.1	3.25	4.4	7.7	4	5	9.0	3.75	3.75	7.5	
249	000218	Nguyễn Huỳnh Thanh Vy	28/09/2005	12A6	2.75	4	6.8	6.0	3	2.8	5.8	2	4	6.0	2.5	4.5	7.0	2.3	3.4	5.7	3.25	4.2	7.5	3.5	3	6.5	2.5	3	5.5	
250	000219	Nguyễn Ngọc Tường Vy	29/07/2005	12A6	3.25	4.4	7.7	7.3	3	4.55	7.6	4	5	9.0	4	6	10.0	3.7	5	8.7	3.5	5	8.5	4	5.5	9.5	4	4.25	8.3	
251	000232	Nguyễn Thị Diệp Chúc	20/08/2005	12A6	3.75	4.8	8.6	8.5	3	4.9	7.9	4	6	10.0	4	6	10.0	3.75	5.8	9.6	4	5.6	9.6	4	6	10.0	4	5	9.0	
252	000233	Trần Khánh Duy	28/04/2004	12A6	2	3	5.0	7.3	1.4	2.98	4.4	0.5	2	2.5	0.5	3.25	3.8	2	2.8	4.8	3.5	5	8.5	3.5	4	7.5	2.5	4	6.5	
253	000293	Lê Hải Phương	24/08/2005	12A6	2.75	3.2	6.0	7.3	2.9	4.9	7.8	2.75	6	8.8	3	5.5	8.5	2.9	3	5.9	3.5	2.8	6.3	3.75	3.5	7.3	4	4	8.0	
254	000326	Nguyễn Hoàng Vũ	27/05/2005	12A6	2.75	3.8	6.6	6.5	3	4.03	7.0	3.25	5.5	8.8	3	5	8.0	2.8	5.6	8.4	3.5	5	8.5	3.25	3.25	6.5	4	3.5	7.5	
255	000337	Trần Nguyễn Như Ý	02/07/2005	12A6	2.5	4	6.5	6.3	2.3	2.45	4.8	3	5.5	8.5	3.25	4.5	7.8	1.6	3.8	5.4	3.25	4.2	7.5	2.25	2.75	5.0	2.25	3.75	6.0	
256	000135	Nguyễn Thảo Chi	26/04/2005	12A7	2	3.6	5.6	6.0	2.9	3.15	6.1	3	5	8.0	3.75	5.25	9.0	3	4.6	7.6	3.75	4.4	8.2	3.5	2.5	6.0	2.25	3.75	6.0	
257	000136	Lê Thanh Danh	22/12/2005	12A7	2.5	3.4	5.9	5.0	3	4.9	7.9	2.75	4.75	7.5	2	5	7.0	3.2	3.8	7.0	3	5.6	8.6	4	4.25	8.3	3.25	4.5	7.8	
258	000143	Phạm Đoàn Ánh Dương	15/03/2005	12A7	2.25	2.8	5.1	6.3	3	4.03	7.0	2.25	4.25	6.5	3.25	5	8.3	3.4	5.8	9.2	3.5	5.4	8.9	4	3.75	7.8	4	5.25	9.3	
259	000154	Đinh Tiến Lê Huy	20/03/2005	12A7	2.5	3.2	5.7	7.5	3	2.1	5.1	2.25	5.5	7.8	1.5	5.25	6.8	3.2	5	8.2	3.5	5.4	8.9	3	4.75	7.8	3.75	4	7.8	
260	000163	Nguyễn Hồng Lụa	05/10/2005	12A7	3	4.8	7.8	7.5	3	3.15	6.2	3.5	5.5	9.0	3.75	5.75	9.5	3.75	5.2	9.0	4	5.8	9.8	4	4	8.0	3.75	4.5	8.3	
261	000169	Nguyễn Thiên Ngân	17/03/2005	12A7	3	4	7.0	6.5	3	4.38	7.4	2.5	6	8.5	2.5	5.5	8.0	3.5	5.2	8.7	3.75	5.8	9.6	3.5	3.25	6.8	3.75	4.75	8.5	
262	000171	Lý Thị Hồng Ngọc	10/06/2005	12A7	3.25	4	7.3	6.8	3	3.5	6.5	3	6	9.0	3.75	5.75	9.5	3.25	5.2	8.5	3.75	5.8	9.6	3.75	4.5	8.3	4	5.25	9.3	
263	000174	Văn Nguyễn Minh Nhật	20/02/2005	12A7	2	3	5.0	6.5	3	4.03	7.0	1.75	5.25	7.0	2.25	5.5	7.8	3	4.8	7.8	3.75	5.2	9.0	4	5.25	9.3	3	4.5	7.5	
264	000212	Nguyễn Phong Tú	13/08/2005	12A7	3	3.8	6.8	6.8	2.6	3.85	6.5	3.25	5.75	9.0	3.5	5.75	9.3	3.1	5.2	8.3	3	5.8	8.8	3.5	4.5	8.0	3.75	4.5	8.3	
265	000224	Ngô Quang Tuấn Anh	05/05/2005	12A7	2	4.6	6.6	6.0	2.6	4.03	6.6	3	6	9.0	3	6	9.0	2.7	5.4	8.1	4	5	9.0	3.5	4.5	8.0	4	4.25	8.3	
266	000226	Trần Ngọc Anh	07/05/2005	12A7	2.5	4	6.5	7.5	3	3.68	6.7	3.75	6	9.8	3.75	5.75	9.5	3.75	5.8	9.6	3.75	5.6	9.4	4	5.5	9.5	4	5.75	9.8	
267	000228	Phạm Huỳnh Ngọc Hiếu Ân	25/11/2005	12A7	3	4.6	7.6	8.3	3	3.85	6.9	3.5	4.5	8.0	3.5	5.25	8.8	3.45	5.6	9.1	4	4.8	8.8	4	4.75	8.8	3.75	5	8.8	
268	000235	Nguyễn Hùng Dương	28/02/2005	12A7	2	3.6	5.6	7.8	2.8	3.33	6.1	2	5.75	7.8	2.5	5.5	8.0	3	5.6	8.6	3.75	5.6	9.4	3.75	3.5	7.3	3	4.25	7.3	
269	000242	Đỗ Ngọc Bảo Hân	20/08/2005	12A7	1.5	3.6	5.1	6.8	2.6	4.2	6.8	3.25	6	9.3	3.25	4.75	8.0	2.9	5.2	8.1	2.75	5.4	8.2	3.25	3.25	6.5	3.75	3.75	7.5	
270	000246	Lưu Văn Hoàng	13/07/2005	12A7	2.5	3.6	6.1	6.3	3	3.68	6.7	2.5	5.75	8.3	3	5.5	8.5	3.4	5.2	8.6	3.5	6	9.5	4	4.25	8.3	4	4.25	8.3	
271	000251	Lê Quỳnh Hương	27/05/2005	12A7	2.75	4.2	7.0	6.5	2.9	3.15	6.1	2.75	3	5.8	2.25	3.75	6.0	3	2.6	5.6	2.25	4	6.3	1.75	3.75	5.5	1.5	3.75	5.3	
272	000259	Nguyễn Hồng Thùy Linh	30/10/2005	12A7	2.75	4.2	7.0	8.0	3	4.2	7.2	3.75	6	9.8	3.75	6	9.8	3.7	5.8	9.5	4	6	10.0	4	4.75	8.8	4	5.75	9.8	
273	000264	Nguyễn Ngọc Phương Mai	14/09/2005	12A7	2.25	3	5.3	6.8	3	2.8	5.8	3	5.25	8.3	2.5	5.75	8.3	3.5	5.4	8.9	3.5	5.8	9.3	2.75	4.25	7.0	4	5	9.0	
274	000265	Võ Xuân Mai	03/03/2005	12A7	3	3.4	6.4	7.0	3	3.68	6.7	3	5.75	8.8	3.5	5.75	9.3	2.1	5.2	7.3	4	5.4	9.4	2.5	4.5	7.0	3.25	4.25	7.5	
275	000267	Trần Ngọc Kiều My	28/09/2005	12A7	3	3.6	6.6	7.3	3	3.15	6.2	3	5.25	8.3	2.25	5.25	7.5	3.3	4.8	8.1	4	5.2	9.2	2.5	4.25	6.8	3	3.75	6.8	
276	000274	Phạm Trần Thành Ngân	28/08/2005	12A7	2.25	3.2	5.5	6.5	2.6	2.63	5.2	1.5	1.5	3.0	3.75	4.75	8.5	3.1	3.8	6.9	2.75	3.4	6.2	3.75	3.25	7.0	3.25	4.25	7.5	
277	000281	Huỳnh Yến Nhi	16/04/2005	12A7	3	4	7.0	7.8	3	3.85	6.9	3.5	6	9.5	3	5.75	8.8	3.8	5.4	9.2	4	6	10.0	4	4	8.0	4	5	9.0	
278	000283	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	28/08/2005	12A7	2.5	3.4	5.9	7.0	3	2.98	6.0	3	5.5	8.5	2.75	6	8.8	3.7	5.4	9.1	3.75	5.8	9.6	2.75	4	6.8	3.75	5	8.8	
279	000287	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/05/2005	12A7	2.75	4.4	7.2	7.3	3	4.55	7.6	3.25	6	9.3	4	5.5	9.5	3.5	5.6	9.1	3.75	6	9.8	3.5	4.75	8.3	4	4.75	8.8	
280	000290	Lê Hoàng Kim Phụng	01/08/2005	12A7	2.5	4.4	6.9	8.0	2.6	3.15	5.8	2.75	5.5	8.3	3.5	5.75	9.3	2.5	5.6	8.1	3.75	5.8	9.6	3	4.75	7.8	4	2.75	6.8	
281	000296	Nguyễn Duy Quân	20/04/2005	12A7	3.25	4.2	7.5	7.0	3	3.68	6.7	3.5	5.5	9.0	3	5.25	8.3	3	5.4	8.4	3.5	4.6	8.1	2.75	4.75	7.5	3	3	6.0	
282	000299	Lê Thiên Quy	06/12/2005	12A7	2	4	6.0	5.5	2.5	2.63	5.1	1.75	5	6.8	1.75	5.25	7.0	3.8	5.4	9.2	3	5	8.0	2.5	4.25	6.8	3.5	4.25	7.8	
283	000302	Bạch Văn Tài	06/11/2004	12A7	1.75	4.4	6.2	6.3	3	3.15	6.2	2.5	4.75	7.3	2	3.25	5.3	2.4	4.4	6.8	3.5	4.6	8.1	2.75	3.5	6.3	3.5	3.25	6.8	
284	000305	Cao Hoàng Duy Tân	09/09/2005	12A7	1.75	3	4.8	5.8	3	3.15	6.2	2.25	6	8.3	1	4.25	5.3	2	4.6	6.6	2.75	3.2	6.0	3.25	3.25	6.5	3	3.25	6.3	
285	000306	Nguyễn Thị Kim Thanh	21/04/2005	12A7	3.25	3.8	7.1	7.3	3	3.5	6.5	3	6	9.0	3.25	5.75	9.0	3.3	5.4	8.7	3.75	5.8	9.6	3	3	6.0	2.25	3.5	5.8	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
					TL	TN	TC		TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	
286	000307	Hồ Văn Quang Thành	05/02/2005	12A7	2.25	4	6.3	6.0	3	3.15	6.2	2.5	5.75	8.3	3	5	8.0	2.8	5.4	8.2	4	5.4	9.4	3.5	4.75	8.3	3.5	4.5	8.0	
287	000310	Nguyễn Đức Thắng	25/07/2005	12A7	3	4.2	7.2	4.5	3	4.38	7.4	3.5	3.5	7.0	3.25	3.25	6.5	3.3	3.8	7.1	1.5	4.6	6.1	3.75	5.25	9.0	2.75	4.5	7.3	
288	000313	Nguyễn Trường Thịnh	21/07/2005	12A7	3	4	7.0	5.3	3	3.5	6.5	3.5	6	9.5	3.75	6	9.8	3.5	5.6	9.1	3.75	5.8	9.6	3.75	5.25	9.0	4	3.5	7.5	
289	000315	Nguyễn Lê Anh Thư	14/12/2005	12A7	2.5	4.4	6.9	7.3	3	3.68	6.7	4	5.75	9.8	3.75	6	9.8	3.2	5.6	8.8	3.5	5.6	9.1	3.75	3.75	7.5	4	5.25	9.3	
290	000318	Trần Mạnh Toàn	19/10/2005	12A7	1.75	3.6	5.4	6.0	2.6	3.68	6.3	3.5	4.75	8.3	1	4.75	5.8	2.25	4.4	6.7	3.5	5.2	8.7	2.75	4	6.8	3	3.5	6.5	
291	000319	Lê Thị Thùy Trang	19/04/2005	12A7	3	4	7.0	6.0	3	3.33	6.3	2.25	4.5	6.8	3.25	5	8.3	3	3.4	6.4	3.75	3.8	7.6	3.5	3.75	7.3	2.5	4.25	6.8	
292	000322	Mai Nguyễn Bảo Trúc	25/01/2005	12A7	2.5	4	6.5	6.0	3	3.68	6.7	2	5	7.0	1.5	4.75	6.3	2.75	3.8	6.6	3.25	5.6	8.9	2.75	3	5.8	2.75	3.75	6.5	
293	000327	Trần Thanh Vũ	14/02/2005	12A7	2.25	4	6.3	7.0	2.6	3.85	6.5	2.5	3	5.5	3.25	4.25	7.5	2.8	3.2	6.0	3.75	3.2	7.0	3.25	4	7.3	3.75	3.5	7.3	
294	000332	Nguyễn Ngọc Tường Vy	07/11/2005	12A7	3.25	4.6	7.9	5.5	3	4.38	7.4	3	5.5	8.5	3.25	6	9.3	2.8	5.4	8.2	3.75	5.8	9.6	3	3.75	6.8	3.75	3.5	7.3	
295	000333	Thạch Hồng Thảo Vy	29/05/2005	12A7	2	4.2	6.2	7.3	3	4.38	7.4	4	5.25	9.3	3.5	5.75	9.3	3.8	5.4	9.2	3.5	6	9.5	3.75	4.75	8.5	4	4.5	8.5	
296	000339	Lương Nguyễn Hải Yến	17/11/2005	12A7	2.75	4.4	7.2	6.5	2.9	3.85	6.8	3	3	6.0	3.25	5.5	8.8	2.6	5.8	8.4	3.5	5.8	9.3	3.75	4	7.8	3	4.75	7.8	
297	000129	Phạm Nguyễn Hoàng Anh	09/02/2005	12A8	2.75	3.8	6.6	7.8	3	4.73	7.7	3.5	6	9.5	1.75	5.25	7.0	3.5	5.2	8.7	4	5.6	9.6	3	4.25	7.3	4	5	9.0	
298	000138	Hoàng Đình Đức Dũng	19/09/2005	12A8	3.5	3.6	7.1	7.0	3	3.85	6.9	0.25	3	3.3	3.25	3	6.3	3.6	4	7.6	3.25	4	7.3	4	4.25	8.3	4	5	9.0	
299	000147	Phạm Như Minh Hằng	07/03/2005	12A8	3.5	4	7.5	6.3	3	4.03	7.0	2.75	5.75	8.5	2.25	5.25	7.5	2.8	5.2	8.0	3.5	5.6	9.1	3.5	5	8.5	4	4	8.0	
300	000156	Nguyễn Lâm Nghĩa Huy	10/01/2005	12A8	2.75	4	6.8	6.5	3	3.68	6.7	3	3.25	6.3	1	4.5	5.5	2.9	2.2	5.1	3	5.4	8.4	4	3.75	7.8	4	4	8.0	
301	000172	Nguyễn Danh Thảo Nguyên	09/05/2005	12A8	2.75	3.6	6.4	5.8	3	4.55	7.6	0.5	3.5	4.0	2.5	4.75	7.3	3.1	3.8	6.9	3.75	4.4	8.2	4	4.25	8.3	2.5	4.75	7.3	
302	000175	Hoàng Yến Nhi	20/02/2005	12A8	3	4	7.0	7.3	3	4.2	7.2	3	6	9.0	4	5.75	9.8	2.8	5.8	8.6	3.25	3.2	6.5	3.75	4.75	8.5	4	5	9.0	
303	000179	Hà Thị Tuyết Nhung	30/11/2005	12A8	3	3.8	6.8	6.3	3	4.2	7.2	2.75	6	8.8	3.5	5	8.5	3.15	5.4	8.6	4	5.4	9.4	3	4.75	7.8	4	4.25	8.3	
304	000182	Nguyễn Phạm Kiều Oanh	08/04/2005	12A8	3.5	3.6	7.1	5.5	2.6	3.85	6.5	3.25	3.75	7.0	3.5	5.75	9.3	3.5	4.6	8.1	4	4.2	8.2	3	4.75	7.8	4	5	9.0	
305	000185	Bùi Đào Tấn Phúc	19/06/2005	12A8	3.25	3.8	7.1	6.5	2.9	3.33	6.2	2.5	4.75	7.3	2.25	3.5	5.8	1.5	4.8	6.3	3.5	2.6	6.1	3.25	4	7.3	4	3.75	7.8	
306	000188	Phạm Nhật Quang	18/07/2004	12A8	3.5	3.6	7.1	5.8	2.6	4.38	7.0	2.75	2.75	5.5	1.25	1.5	2.8	1.6	2	3.6	2.75	4	6.8	3.75	3.75	7.5	3	3.5	6.5	
307	000190	Đặng Anh Quân	22/03/2005	12A8	3	3.6	6.6	6.3	2.9	3.5	6.4	1.5	4.5	6.0	1.75	3.5	5.3	2.8	3.8	6.6	4	2.8	6.8	3.75	4.25	8.0	3.5	4	7.5	
308	000208	Nguyễn Phương Trâm	02/05/2005	12A8	3.25	4	7.3	7.5	3	3.85	6.9	3.25	6	9.3	3.25	5	8.3	3.5	5.2	8.7	3.5	5.8	9.3	3.5	5	8.5	4	4.5	8.5	
309	000209	Nguyễn Thụy Huyền Trâm	20/07/2005	12A8	3.5	4.2	7.7	6.0	3	3.85	6.9	2.75	6	8.8	3.75	6	9.8	3.2	4.8	8.0	3	4.8	7.8	3	4.25	7.3	2.5	5.25	7.8	
310	000210	Hồ Ngọc Trí	11/07/2005	12A8	2.75	4	6.8	7.3	3	3.33	6.3	1.5	3	4.5	2.25	5.25	7.5	0.5	2.4	2.9	3.5	3.6	7.1	1	4.75	5.8	2.5	3.5	6.0	
311	000211	Huỳnh Thị Thanh Trúc	25/02/2005	12A8	3.25	4.4	7.7	7.3	3	4.55	7.6	2.5	4.25	6.8	3.5	5.5	9.0	2.8	5.2	8.0	3.5	4.8	8.3	3.5	3.5	7.0	3	4.5	7.5	
312	000222	Nguyễn Thị Yến	16/06/2005	12A8	3	3.4	6.4	7.8	2.6	3.5	6.1	3.25	5.5	8.8	3.25	3.75	7.0	2.2	5.2	7.4	3.75	5.4	9.2	1.75	3.5	5.3	3	4.25	7.3	
313	000223	Dương Trần Chí Tài Anh	21/11/2005	12A8	3.25	3.6	6.9	7.3	2.9	5.6	8.5	2	5.5	7.5	3.75	5.25	9.0	3.25	5.4	8.7	3.5	4.4	7.9	3.75	4.25	8.0	4	5.25	9.3	
314	000231	Chu Thị Quỳnh Chi	24/11/2005	12A8	2.75	3.8	6.6	8.0	2.6	2.8	5.4	0.25	2.25	2.5	1.5	3.25	4.8	2.45	4.2	6.7	3.5	4.4	7.9	3.75	4.25	8.0	3.75	3.75	7.5	
315	000234	Cao Thị Mỹ Duyên	14/02/2005	12A8	3.5	3.8	7.3	7.8	2.9	3.5	6.4	3	3.25	6.3	3	4.75	7.8	3.6	5	8.6	3.75	4.2	8.0	3.25	4.5	7.8	3.75	5.25	9.0	
316	000237	Nguyễn Thiện Đức	23/11/2005	12A8	3	4.4	7.4	6.5	2.5	3.85	6.4	2.75	5.25	8.0	4	5.25	9.3	3.7	5.4	9.1	3.75	5.6	9.4	3.25	5.25	8.5	3.75	4.75	8.5	
317	000241	Lê Thị Kim Hằng	14/03/2005	12A8	3.5	4.6	8.1	8.0	3	3.68	6.7	3	3.25	6.3	3.5	4.5	8.0	3	2.8	5.8	4	4.2	8.2	4	3.75	7.8	4	4	8.0	
318	000244	Phạm Thị Kim Hoa	24/09/2005	12A8	3	3.6	6.6	7.3	2.6	5.43	8.0	0.25	4.25	4.5	1	3.75	4.8	3.5	5.6	9.1	4	4.2	8.2	3.25	3.75	7.0	3.25	5	8.3	
319	000249	Lâm Quốc Hưng	12/12/2005	12A8	3	4	7.0	7.3	3	4.2	7.2	0.75	5.75	6.5	3.75	5.5	9.3	3	5.6	8.6	3.75	5.4	9.2	3	4.5	7.5	3.75	4.5	8.3	
320	000252	Bùi Huy Khang	25/09/2005	12A8	3.5	4.6	8.1	7.5	3	4.9	7.9	2.75	5.75	8.5	3.25	5.75	9.0	3.5	5.8	9.3	3.5	5.6	9.1	4	5.25	9.3	4	5.25	9.3	
321	000255	Nguyễn Võ Anh Khoa	05/10/2005	12A8	2.5	3.8	6.3	5.3	3	5.43	8.4	0	2.25	2.3	1.75	2.75	4.5	2	3.2	5.2	2.75	3.6	6.4	2.75	3.25	6.0	3.75	4.75	8.5	
322	000256	Nguyễn Văn Kiệt	28/08/2005	12A8	2.25	4	6.3	6.0	3	2.63	5.6	0.5	6	6.5	3.25	5.75	9.0	3.5	5.8	9.3	2.5	3	5.5	1.75	3.5	5.3	4	3.75	7.8	
323	000257	Võ Tấn Lành	15/01/2005	12A8	3	3.6	6.6	6.3	2.9	2.98	5.9	2.25	6	8.3	1	4.25	5.3	3.5	4.4	7.9	4	3.4	7.4	4	3.75	7.8	4	3	7.0	
324	000261	Trần Ngọc Linh	29/10/2005	12A8	3.5	4.2	7.7	6.5	3	4.38	7.4	2.5	5.75	8.3	2.5	5.75	8.3	2.5	3.6	6.1	3.75	5.6	9.4	4	4.75	8.8	4	4	8.0	
325	000263	Hồ Cẩm Ly	10/04/2005	12A8	3.5	4	7.5	7.5	3	4.03	7.0	3.25	5.75	9.0	4	5.5	9.5	3.9	5.2	9.1	4	5.8	9.8	3.5	5	8.5	4	4.75	8.8	
326	000269	Nguyễn Dương Kim Ngân	30/04/2005	12A8	2.5	3.8	6.3	6.0	2.9	3.85	6.8	1.25	6	7.3	2.75	5	7.8	3	5.2	8.2	3.75	4.2	8.0	2.5	4	6.5	2.5	2.5	5.0	
327	000270	Nguyễn Hồng Ngân	23/03/2005	12A8	1.5	3.2	4.7	6.8	2.2	3.5	5.7	1.25	5.75	7.0	1	2.75	3.8	1.8	4.4	6.2	3.75	5.2	9.0	2	1.75	3.8	2	3.25	5.3	
328	000279	Trần Huỳnh Trương Nguyễn	21/02/2004	12A8	3	4.4	7.4	6.5	3	2.98	6.0	1.25	3	4.3	2.75	4	6.8	1.3	2.4	3.7	3.5	3.6	7.1	3.5	4.75	8.3	4	4.5	8.5	
329	000284	Nguyễn Yến Nhi	15/03/2005	12A8	3	3.6	6.6	5.5	2.6	4.03	6.6	1.25	2.5	3.8	1	4.5	5.5	0.3	4.2	4.5	3.5	5.2	8.7	3	3.75	6.8	3.75	4.25	8.0	
330	000291	Mai Lê Hữu Phước	19/07/2005	12A8	2.75	4	6.8	6.5	3	3.85	6.9	2	4	6.0	1.5	5.25	6.8	2.4	4.8	7.2	3.5	3.4	6.9	3.75	4.25	8.0	4	3.5	7.5	
331	000292	Đặng Nguyễn Thảo Phương	28/09/2005	12A8	2.75	3.4	6.2	7.0	3	4.03	7.0	2.5	6	8.5	4	6	10.0	3.6	5.4	9.0	4	4.4	8.4	3.75	4.75	8.5	4	4.5	8.5	
332	000300	Nguyễn Lê Thục Quyên	08/12/2005	12A8	3	3.2	6.2	7.5	3	3.5	6.5	0.5	2.5	3.0	2.5	3.75	6.3	3.2	4	7.2	3.5	3.4	6.9	2	3.25	5.3	1.5	3.25	4.8	
333	000308	Phan Tấn Thành	18/10/2005	12A8	3.5	4.4	7.9	7.0	3	4.55	7.6	3.25	6	9.3	4	6	10.0	3.7	5	8.7	3.75	2.8	6.6	3.75	5.25	9.0	4	4.75	8.8	

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán			Văn	Anh			Lý			Hóa			Sinh			Sử			Địa			GDCD			Ghi chú
					TL	TN	TC		TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	TL	TN	TC	
334	000312	Phạm Minh Thiện	30/03/2005	12A8	3.5	4	**7.5**	**6.5**	3	3.33	**6.3**	1.75	2	**3.8**	4	5.75	**9.8**	3.3	4.4	**7.7**	3.5	3.4	**6.9**	3.75	4.25	**8.0**	4	4.5	**8.5**	
335	000316	Vũ Ngọc Bảo Thy	22/03/2005	12A8	3.5	4.4	**7.9**	**7.5**	3	3.15	**6.2**	2.5	4.75	**7.3**	2.5	5.75	**8.3**	3.2	5	**8.2**	3.75	3.6	**7.4**	3	3.75	**6.8**	4	4.5	**8.5**	
336	000320	Phạm Thị Thùy Trang	04/03/2005	12A8	2.5	3.6	**6.1**	**7.0**	2.6	3.85	**6.5**	2	4.25	**6.3**	3	4.25	**7.3**	2.7	5.2	**7.9**	3.5	4	**7.5**	3.75	3.5	**7.3**	3.75	4	**7.8**	
337	000323	Nguyễn Phan Thanh Tuyền	22/08/2005	12A8	3	3.6	**6.6**	**7.5**	3	4.38	**7.4**	2.5	3.5	**6.0**	2	4.25	**6.3**	3.5	3.2	**6.7**	4	2.2	**6.2**	3.5	3.5	**7.0**	3.75	4	**7.8**	
338	000325	Lê Quách Triệu Vĩ	23/02/2005	12A8	3.5	4.8	**8.3**	**7.0**	2.6	4.2	**6.8**	1.5	5.5	**7.0**	1.5	5.75	**7.3**	3.5	4.4	**7.9**	4	5.2	**9.2**	4	5	**9.0**	3.75	4.5	**8.3**	
339	000329	Võ Anh Vũ	01/01/2004	12A8	2.75	3	**5.8**	**6.3**	2	3.33	**5.3**	0.5	2.5	**3.0**	0.5	2.5	**3.0**	3.6	3.6	**7.2**	3.75	2.4	**6.2**	4	4	**8.0**	2.25	4.5	**6.8**	
340	000334	Trương Thúy Vy	03/09/2005	12A8	3.25	3.8	**7.1**	**7.3**	3	2.98	**6.0**	3	4.25	**7.3**	3.25	5.75	**9.0**	3.4	3.8	**7.2**	4	4.2	**8.2**	3.5	5	**8.5**	4	4.75	**8.8**	
341	000340	Nguyễn Lê Kim Yến	09/06/2005	12A8	2.75	3.6	**6.4**	**7.3**	2.9	4.38	**7.3**	2.75	6	**8.8**	3.25	5.5	**8.8**	2.8	4.2	**7.0**	3.75	3.4	**7.2**	3.75	4	**7.8**	3	4.25	**7.3**	